

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2021/DS-PT
Ngày 24-12-2021
V/v Tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thu Lan

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Đức Dũng

Ông Lương Văn Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Huệ – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi: Bà Trần Thị Thu Thủy – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2021/TLPT-DS ngày 05 tháng 7 năm 2021, về việc: “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 11/2021/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 74/2021/QĐ-PT ngày 20/7/2021, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 92/2021/QĐ-PT ngày 17/8/2021, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 119/2021/QĐ-PT ngày 17/9/2021, Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 662/TB-TA ngày 28/9/2021, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 142/2021/QĐ-PT ngày 25/10/2021, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 157/2021/QĐ-PT ngày 18/11/2021, Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 825/TB-TA ngày 08/12/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Tân T – sinh năm 1986; cư trú tại thôn L, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn: Anh Phan Ngọc T1 – sinh năm 1988; cư trú tại thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Anh Phan Ngọc T2 – sinh năm 1984; địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: Số D607, chung cư EHOME 2, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ tạm trú: Căn hộ 8.03, Chung cư P, đường số D31, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Anh Phan Ngọc T1 là bị đơn.

(Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt; anh T2 có mặt tại phiên tòa, nhưng khi tuyên án anh T2 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/12/2020, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 25/12/2020, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là anh Lê Tấn T trình bày:*

Ngày 14/9/2017, anh Phan Ngọc T1 có vay của anh số tiền 300.000.000 đồng. Anh T1 có viết Giấy mượn tiền, thời hạn vay là 02 ngày, từ ngày 14/9 đến ngày 15/9/2017, tiền lãi là 3.600.000 đồng. Theo Giấy mượn tiền có thỏa thuận anh T1 phải thanh toán cho anh tiền lãi ngay khi mượn, nhưng thực tế anh T1 không thanh toán tiền lãi cũng như chưa trả tiền nợ gốc cho anh. Nay, anh yêu cầu anh T1 phải trả cho anh 300.000.000 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi tính từ ngày 14/9/2017 đến ngày 14/3/2021 là 112.500.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu anh T1 trả tiền lãi, chỉ yêu cầu anh T1 trả 300.000.000 đồng tiền nợ gốc cho anh.

** Tại biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 09/3/2021 và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là anh Phan Ngọc T1 - người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là anh Phan Ngọc T2 trình bày:* Anh thừa nhận anh T1 có vay của anh Tài 300.000.000 đồng để đáo hạn tại Sacombank - Chi nhánh Quảng Ngãi. Thời gian vay từ ngày 14/9/2017 đến 15/9/2017 là một ngày (tính tròn 01 ngày là 24 giờ) với tiền lãi là 3.600.000 đồng/ngày. Sau khi vay, anh Tú đã trả lãi cho anh Tài được khoảng 03 tháng, với số tiền là 324.000.000 đồng (90 ngày x 3.600.000 đồng/ngày). Sau đó anh Tú không có tiền, nên không trả nữa. Nay, anh T khởi kiện yêu cầu anh T1 trả 300.000.000 đồng tiền nợ gốc, anh T1 không đồng ý vì anh Tú không có tiền, đồng thời anh T1 cho rằng anh T cho vay với lãi suất 18%/tháng là phạm tội cho vay nặng lãi, yêu cầu Tòa án tạm đình chỉ giải quyết vụ án để chuyển Cơ quan công an giải quyết hình sự.

** Bản án số 11/2021/DS-ST ngày 20/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Ngãi đã xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Tấn T, buộc anh Phan Ngọc T1 có nghĩa vụ trả cho anh Lê Tấn T 300.000.000 đồng (*ba trăm triệu đồng*).

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của anh Lê Tấn T về việc buộc anh Phan Ngọc T1 phải trả 112.500.000 đồng (*một trăm mười hai triệu, năm trăm ngàn*) tiền lãi.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, tiền lãi chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

** Ngày 31/5/2021, anh Phan Ngọc T1 có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự của anh Lê Tấn T về hành vi*

cho vay nặng lãi; đồng thời, tạm đình chỉ giải quyết vụ án để chuyển cơ quan điều tra giải quyết theo thẩm quyền; xem xét khấu trừ số tiền lãi anh đã thanh toán cho anh T vào phần tiền nợ gốc vì trước khi giao số tiền vay, anh T đã trừ tiền lãi, thực tế anh không nhận đủ số tiền vay.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ Điều 293, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của anh Phan Ngọc T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 11/2021/DS-ST ngày 20/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện T. Tuy nhiên cần sửa lại căn cứ điều luật là Điều 163 và Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015 để tuyên xử phù hợp với nội dung vụ án và quan hệ tranh chấp. Anh T1 phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ngày 20/5/2021, Tòa án nhân dân huyện T xét xử vụ án. Ngày 31/5/2021, anh Phan Ngọc T1 có đơn kháng cáo là còn trong thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, được chấp nhận.

[1.2] Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: “*Tranh chấp đòi lại tài sản*” nhưng tại phần quyết định của bản án lại áp dụng khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, không áp dụng Điều 163, 166 Bộ luật dân sự năm 2015 là không chính xác, Hội đồng xét xử phúc thẩm điều chỉnh điều luật áp dụng cho phù hợp.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của anh Phan Ngọc T1.

[2.1] Đối với yêu cầu xem xét dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự của anh Lê Tấn T về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự; tạm đình chỉ giải quyết vụ án để chuyển cơ quan điều tra giải quyết theo thẩm quyền, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1.1] Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, anh Phan Ngọc T2 là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là anh Phan Ngọc T1 thừa nhận, anh T1 có vay của anh Lê Tấn T số tiền 300.000.000 đồng; chữ viết, chữ ký trong Giấy mượn tiền đề ngày 14/9/2017 là của anh T1.

[2.1.2] Theo Giấy mượn tiền đề ngày 14/9/2017 thể hiện: Anh T1 vay của anh T số tiền 300.000.000 đồng, tiền lãi được tính từ ngày 14/9/2017 đến ngày 15/9/2017 là 3.600.000 đồng. Anh T1 cho rằng số tiền 3.600.000 đồng là tiền lãi anh T1 phải trả cho anh T của 01 ngày (tính tròn 01 ngày có 24 giờ), nhưng anh T2 không xác định được chính xác anh T1 vay tiền của anh T vào giờ nào, để cho rằng thời hạn vay từ ngày 14 đến ngày 15/9/2017 là 01 ngày. Do đó, chỉ có cơ sở xác định anh T1 vay tiền của anh T với thời hạn 02 ngày, với số tiền lãi phải trả là 3.600.000 đồng, tức 1.800.000 đồng/ngày. Như vậy, mức lãi suất anh T cho anh T1 vay là 18%/tháng $[(300.000.000 \text{ đồng} \times 18\%/\text{tháng}) : 30 \text{ ngày}]$.

[2.1.3] Tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về lãi suất: *Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay...* Điều đó có nghĩa, mức lãi suất các bên được quyền thỏa thuận không được vượt quá 1,6666%/tháng. Tuy nhiên, như nhận định trên, anh T cho anh T1 vay tiền với mức lãi suất 18%/tháng, vượt hơn gấp 05 lần của mức lãi suất theo quy định của Bộ luật dân sự.

[2.1.4] Tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định về Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự: *Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với mức lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.*

[2.1.5] Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, anh T2 cho rằng anh T1 đã trả cho anh T khoảng 03 tháng tiền lãi với số tiền 324.000.000 đồng, nhưng anh T2 không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của anh T2 là có căn cứ và không được anh T thừa nhận.

[2.1.6] Ngày 05/7/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã có Thông báo số 413/TB-TA về việc yêu cầu anh T2 cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh anh T1 đã trả cho anh T 324.000.000 đồng tiền lãi, nhưng anh T2 không cung cấp được. Tại phiên tòa hôm nay, anh T2 xác định anh không thể cung cấp được tài liệu, chứng cứ việc anh T1 đã trả cho anh T 324.000.000 đồng tiền lãi, cũng như không cung cấp được tài liệu chứng minh anh T đã bị xử phạt hành chính hoặc đã bị kết án về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm. Do đó, không có cơ sở chấp nhận nội dung kháng cáo này của anh T1.

[2.2] Đối với yêu cầu của anh T1 về việc xem xét khấu trừ số tiền lãi anh đã thanh toán cho anh T vào phần tiền nợ gốc vì trước khi giao số tiền vay, anh T đã trừ tiền lãi, thực tế anh không nhận đủ số tiền vay, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại Giấy mượn tiền đề ngày 14/9/2017 có thể hiện: ... *Anh T1 có trách nhiệm phải thanh toán cho anh T số tiền lãi ngay khi mượn* ... Mặc dù, anh T không thừa nhận việc anh T1 trả 3.600.000 đồng tiền lãi như thỏa thuận tại Giấy mượn tiền, nhưng anh T không chứng

minh được anh T1 không trả tiền lãi ngay khi mượn, trong khi anh T là người giữ Giấy mượn tiền và trong Giấy mượn tiền cũng không thể hiện nội dung anh T1 không trả tiền lãi ngay khi mượn tiền. Do đó, có cơ sở chấp nhận kháng cáo của anh T1 đối với nội dung này, cụ thể: Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, thì anh T1 phải trả cho anh T tiền lãi của 02 ngày là 334.000 đồng (làm tròn), $[(300.000.000 \text{ đồng} \times 1,6666\%/\text{tháng}) : 30 \text{ ngày} \times 02 \text{ ngày}]$, nhưng thực tế anh T1 đã trả cho anh T 3.600.000 đồng, khấu trừ tiền lãi anh T1 phải trả, số tiền còn lại là 3.266.000 đồng (3.600.000 đồng - 334.000 đồng) được trừ vào số tiền nợ gốc. Như vậy, anh T1 chỉ phải trả cho anh T số tiền nợ gốc là 296.734.000 đồng (300.000.000 đồng - 3.266.000 đồng).

[2.3] Về án phí: Anh T1 phải chịu 14.837.000 đồng (làm tròn), (296.734.000 đồng x 5%) án phí dân sự sơ thẩm. Anh T1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số AA/2018/0007198 ngày 15/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Anh T1 còn phải nộp 14.537.000 đồng (*mười bốn triệu, năm trăm ba mươi bảy ngàn*) án phí dân sự sơ thẩm.

Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được chấp nhận là 3.266.000 đồng (300.000.000 đồng - 296.734.000 đồng), nhưng trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 5.112.500 đồng theo Biên lai số AA/2018/0005695 ngày 31/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Anh T được hoàn trả số tiền chênh lệch là 4.812.500 đồng (*bốn triệu, tám trăm mười hai ngàn, năm trăm*).

[2.4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phù hợp với một phần nhận định trên, nên được chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 148, khoản 3 Điều 296, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 163, 166 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Phan Ngọc T1, sửa bản án số 11/2021/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Lê Tấn T, buộc anh Phan Ngọc T1 phải trả cho anh Lê Tấn T số tiền 296.734.000 đồng (*hai trăm chín mươi sáu triệu, bảy trăm ba mươi bốn ngàn*).

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Lê Tấn T, buộc anh Phan Ngọc T1 phải trả cho anh Lê Tấn T số tiền 3.266.000 đồng (*ba triệu, hai trăm sáu mươi sáu ngàn*).

3. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của anh Lê Tấn T về việc yêu cầu anh Phan Ngọc T1 phải trả 112.500.000 đồng (*một trăm mười hai triệu, năm trăm ngàn*) tiền lãi.

4. Về án phí: Anh Lê Tấn T phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm ngàn*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 5.112.500 đồng (*năm triệu, một trăm mười hai ngàn, năm trăm*) theo Biên lai số AA/2018/0005695 ngày 31/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Anh Lê Tấn T được hoàn trả số tiền chênh lệch là 4.812.500 đồng (*bốn triệu, tám trăm mười hai ngàn, năm trăm*).

Anh Phan Ngọc T1 phải chịu 14.837.000 đồng (*mười bốn triệu, tám trăm ba mươi bảy ngàn*) án phí dân sự sơ thẩm. Anh Phan Ngọc T1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn*) theo Biên lai số AA/2018/0007198 ngày 15/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Anh Phan Ngọc T1 còn phải nộp 14.537.000 đồng (*mười bốn triệu, năm trăm ba mươi bảy ngàn*) án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện Tư Nghĩa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Thu Lan